TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/DSST
Ngày: 24-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần**.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/TLST–DS ngày 26-11-2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-DS, ngày 07-3-2025 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 17-3-2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp Đ1, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp Đ2, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Đang chấp hành án tại Trại giam Đ3; Địa chỉ: Ấp H, xã Đ3, huyện TS, tỉnh An Giang (Có đơn xin vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp Đ2, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Ngày 20/7/2019 (âm lịch) bà có tham gia góp hụi do bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 làm chủ hụi (tên thường gọi X), hình thức tham

gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 2.000.000 đồng, có 13 phần, hụi tháng, huê hồng đầu thảo hưởng 800.000 đồng/lần hốt, chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho bà (tên 6 V), việc tham gia góp hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi cũng không có ghi họ tên hụi viên cụ thể (tên thường gọi), dây hụi trên bà tham gia 01 phần, cụ thể từng lần khui hụi như sau:

Lần 01: Hụi viên bỏ thăm 600.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.400.000 đồng;

Lần 02: Hụi viên bỏ thăm 600.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.400.000 đồng;

Lần 03: Hụi viên bỏ thăm 650.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.350.000 đồng;

Lần 04: Hụi viên bỏ thăm 600.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.400.000 đồng;

Lần thứ 05: Hụi viên bỏ thăm 600.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.400.000 đồng;

Lần 06: Hụi viên bỏ thăm 650.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.350.000 đồng;

Lần 07: Hụi viên bỏ thăm 800.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.200.000 đồng;

Lần 08: Hụi viên bỏ thăm 710.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.290.000 đồng;

Lần 09: Hụi viên bỏ thăm 1000.000 đồng, bà đóng hụi sống 1.000.000 đồng;

Lần 10: Hụi viên bỏ thăm 1.250.000 đồng, bà đóng hụi sống 750.000 đồng;

Lần 11: Hụi viên bỏ thăm 1.500.000 đồng, bà đóng hụi sống 500.000 đồng;

Lần 12: Bà bỏ thăm 1.000.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà được nhận bằng 25.200.000 đồng đã trừ huê hồng, nhưng ông T2, bà T không có giao tiền hụi cho bà, rồi úp hụi đồng loạt. Sau khi bà T úp hụi bà có làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu trả số tiền hụi được hốt bằng 25.200.000 đồng, sau đó bà T bị Công an khởi tố về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", cho nên dây hụi trên chưa được giải quyết trong bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST này 15/02/2023. Qua ý kiến của bà T trình bày tại hồ sơ Công an bà thống nhất dây hụi trên bà đóng 11 lần hụi sống bằng 12.960.000 đồng.

Bà tham gia góp hụi của bà T thường không có đi khui hụi, sau khi khui hụi bà T lại nhà bà thu tiền hụi, bà T nói số tiền bao nhiêu thì bà đóng rồi tự ghi vào giấy của mình theo dõi, có khi bà T cũng không có nói ai là người hốt hụi, bà ghi theo thứ tự từ trên xuống cho tiện theo dõi số tiền đã đóng hụi (có khi

cũng không đúng người hốt hụi trong danh sách hụi viên), đóng tiền hụi cũng không có ghi giấy tờ gì.

Bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả cho bà D 11 lần tiền hụi sống đã đóng bằng 12.960.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Dây hụi mở ngày 15/4/2019, loại hụi 2.000.000 đồng và dây hụi mở ngày 20/7/2019, loại hụi 2.000.000 đồng mà bà T trình bày và yêu cầu bà cấn trừ lại tiền hụi bà khởi kiện, 02 dây hụi này đã được giải quyết xong trong bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023, yêu cầu không giải quyết lại.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 20/7/2019 bà có làm chủ dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, có 13 phần, hụi tháng, huê hồng đầu thảo hưởng 800.000 đồng/lần hốt, bà có giao danh sách hụi viên cho tất cả hụi viên tham gia theo dõi, bà Nguyễn Thị D (tên 6 V), tham gia 01 phần, hụi đã khui đến lần thứ 11, ở lần thứ 12 bà D bỏ thăm hốt hụi do bà úp hụi, không có giao tiền hụi cho bà D. Qua làm việc tại Công an bà thừa nhận dây hụi trên bà D đóng 11 lần hụi sống bằng 12.960.000 đồng, bà đồng ý trả một mình, tiền hụi này không liên quan đến ông T2 chồng bà, yêu cầu không tính lãi.

Ngoài ra các dây hụi bà D khởi kiện, bà D còn tham gia góp hụi cụ thể như sau:

(1) Ngày 15/4/2019 (âm lịch), bà T có làm chủ dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, có 16 phần, bà D tham gia 01 phần (tên 6 V), bà D bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 12, số tiền bỏ thăm 650.000 đồng, hụi đã khui đến lần thứ 14, còn 02 lần khui mới mãn hụi, bà T yêu cầu bà D trả lại 02 lần tiền hụi đã nhận bằng 2.700.000 đồng (1.350.000 đồng x 02);

(2) Ngày 20/7/2019 (âm lịch), bà T có làm chủ dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, có 17 phần, bà D tham gia 01 phần (tên 6 V), bà D bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 05, số tiền bỏ thăm 600.000 đồng, hụi đã khui đến lần thứ 11, còn 06 lần khui mới mãn hụi, bà T yêu cầu bà D trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 8.400.000 đồng (1.400.000 đồng x 06);

Tổng cộng tiền hụi bà T yêu cầu ở 02 dây hụi trên bằng 11.100.000 đồng, bà T yêu cầu cấn trừ vào tiền hụi bà D khởi kiện, sau khi cấn trừ số tiền còn lại bà T đồng ý trả cho bà D, yêu cầu không tính lãi.

Những dây hụi bà T trình bày và yêu cầu, sau khi đối chiếu với bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 nếu có dây hụi nào đã được giải quyết xong bà T đồng ý bỏ ra.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T, việc tổ chức khui hụi và thu tiền hụi của hụi viên là bà T tự làm một mình, không liên quan đến ông, nợ tiền hụi mà các hụi viên khởi kiện là nợ riêng của bà T, để cho bà T trả, ông không có trách nhiệm trả nợ chung với bà T cho các hụi viên khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện (Bản chính); danh sách hụi viên, loại hụi 2.000.000

đồng, mở ngày 20/7/2019 (bản photo), bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023; CCCD (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ;

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Nguyễn Thị D có tham gia dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019 và đóng được 11 lần hụi sống.

Bà Nguyễn Thị T đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị D 11 lần tiền hụi sống đã đóng bằng 12.960.000 đồng (Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019).

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả nợ tiền hụi cho bà D.

Bà Nguyễn Thị T đồng ý một mình trả tiền hụi còn nợ cho bà Nguyễn Thị D, không liên quan đến ông T2 chồng bà.

Ông Nguyễn Văn T2 không đồng ý cùng với bà Nguyễn Thị T trả nợ tiền hụi cho bà Nguyễn Thị D, đây là nợ riêng của bà T, không liên quan đến ông.

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lại tiền hụi đã nhận bằng 11.100.000 đồng; Bà D không đồng ý trả lại tiền hụi theo yêu cầu của bà T do 02 dây hụi này đã được giải quyết trong bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D 11 lần tiền hụi sống đã đóng bằng 12.960.000 đồng (Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019, hụi tháng). Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T; Bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Đối với dây hụi mở ngày 15/4/2019 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, có 16 phần, bà T yêu cầu bà D trả lại 02 lần tiền hụi đã nhận bằng 2.700.000 đồng, qua đối chiếu với bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 thì dây hụi này đã được giải quyết xong, cho nên không giải quyết lại.

[3] Đối với dây hụi mở ngày ngày 20/7/2019 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, có 17 phần, bà T yêu cầu bà D trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 8.400.000 đồng, qua đối chiếu với bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 thì dây hụi này đã được giải quyết xong, cho nên không giải quyết lại.

[4] V*ề nội dung*: Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị T có lời khai thống nhất, vào ngày 20/7/2019 bà D có tham gia dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng do bà T làm chủ hụi, bà D tham gia 01 phần, hụi đã khui đến lần thứ 11 bà D đóng hụi sống bằng 12.960.000 đồng, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả nợ tiền hụi cho bà D. Bà Nguyễn Thị T đồng ý một mình trả tiền hụi cho bà D, bà cho rằng việc tổ chức khui hụi là bà tự tổ chức, tự thu tiền hụi của hụi viên chồng và các con bà không có ai liên quan, ông T2 cho rằng bà T một mình làm chủ hụi phải tự chịu trách nhiệm, ông T2 không chịu trách nhiệm liên đới củng bà T trả nợ tiền hụi cho nguyên đơn bà D.

Xét thấy, mặc dù ông T2 không trực tiếp giao dịch tiền hụi với bà D cũng như các hụi viên khác, nhưng giao dịch góp hụi của bà T (chủ hụi) bắt đầu từ năm 2009 cho đến khi úp hụi được thực hiện trong thời kỳ bà T với ông T2 vẫn là quan hệ vợ chồng hợp pháp, bà T tổ chức khui tại nhà ông T2 biết nhưng không có phản đối, hơn nữa ông T2 cũng không chứng minh giữa ông và bà T có thỏa thuận việc thu, chi riêng trong gia đình nên trường hợp nợ của bà T vẫn phát sinh nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử buộc ông T2 và bà T phải liên đới trả nợ tiền hụi cho bà D là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D là có căn cứ. Do bà D không có yêu cầu tính lãi nên không giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D 11 lần tiền hụi sống đã đóng bằng 12.960.000 đồng (Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019). Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 648.000 đồng án phí. Do bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí. Do bà Nguyễn Thị D là người đủ 60 tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XI quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị D thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí, nên không xử lý.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm